

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 98/2021/DS-PT
Ngày: 15 - 3 - 2021
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Mai Hoàng Khải.**

Các Thẩm phán:

Ông **Lê Thanh Vân.**

Bà **Nguyễn Thị Ánh Phương.**

- Thư ký phiên tòa: Ông **Lê Văn Giang**, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Bà **Nguyễn Thị Cẩm Thúy** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 27/2021/TLPT-DS ngày 20 tháng 01 năm 2021 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 43/2020/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 39/2021/QĐ-PT ngày 05 tháng 02 năm 2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Phạm Bích H**, sinh năm 1972; (xin vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp B, xã P, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Bà **Lê Thị S**, sinh năm 1956; (có mặt)

Địa chỉ: Ấp Hiệp N, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1962; (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp Hiệp N, xã H, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn bà **Lê Thị S**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn chị Phạm Bích H trình bày:*

Năm 2007, chị có bán thức ăn gia súc cho bà Lê Thị S nhiều lần, đến ngày 24/6/2007 kết toán sổ lại bà S nợ số tiền là 10.411.500 đồng, bà S ký tên xác nhận nợ hẹn trả nhưng đến nay không trả.

Nay chị yêu cầu Tòa án giải quyết: Buộc bà S trả cho chị số tiền còn thiếu là 10.411.500 đồng.

** Bị đơn bà Lê Thị S trình bày:*

Bà thừa nhận có nợ 10.411.500 đồng tiền mua thức ăn gia súc của chị H vào năm 2007 và có ký tên xác nhận nợ vào sổ của chị H. Năm 2009, bà kêu bán cho bà Nguyễn Thị H phần đất của bà thì chị H ngăn cản không cho bán, chị H nói với bà H1 nếu mua đất thì phải trả số tiền nợ 10.000.000 đồng cho chị H. Sau đó, bà và bà H1 đã lập giấy nhận tiền cọc số tiền là 40.000.000 đồng (trong đó 20.000.000đ nợ tiền vay trước đó, 10.000.000 đồng tiền mặt, và 10.000.000 đồng tiền bà nợ chị H). Như vậy, bà không còn nợ chị H số tiền nào nữa, nên không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H trình bày:*

Năm 2009 bà và bà Lê Thị S có lập hợp đồng đặt cọc mua bán đất với nhau, số tiền đặt cọc là 40.000.000 đồng, bà đã giao tiền mặt cho bà S đủ 40.000.000 đồng không có số tiền nợ 10.000.000 đồng của chị H trong đó. Do việc mua bán đất không thành nên bà đã khởi kiện bà S ra Tòa án giải quyết và đã thi hành án xong. Bà không có ý kiến gì trong vụ kiện.

* Bản án sơ thẩm số: 43/2020/DS-ST ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang căn cứ Điều 26, Điều 35, Điều 39, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 357, Điều 430, Điều 431, Điều 440 của Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

* Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Bích H.

- Buộc bà Lê Thị S có trách nhiệm trả ngay cho chị Phạm Bích H số tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu là 10.411.500 đồng khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

* Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

* Ngày 23/7/2020, bà Lê Thị S là bị đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 43/2020/DSST ngày 13/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang, yêu cầu: Đưa bà H1 tham gia tố tụng để làm rõ việc bà H1 cản trở tiền đặt cọc mua đất của bà S là 10.000.000 đồng mà không trả cho chị H và sửa Bản án

dân sự sơ thẩm theo hướng buộc bà H1 trả cho bà Hà số tiền là 10.000.000 đồng và không buộc bà S trả tiền cho chị H .

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Lê Thị S vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, không đồng ý trả cho chị Phạm Bích H số tiền mua thức ăn gia súc còn thiếu là 10.411.500 đồng. Chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của bà Sáu, đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Các đương sự không có sự thỏa thuận với nhau việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và thư ký tòa án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm chuẩn bị nghị án đều được tiến hành đúng theo trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn, bị đơn thực hiện quyền, nghĩa vụ người tham gia tố tụng đúng luật định. Về quan điểm giải quyết vụ án, Kiểm sát viên nhận xét: yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Bích H đòi bị đơn bà Lê Thị S trả số tiền 10.411.500 đồng mua thức ăn gia súc còn thiếu là có căn cứ, bà S cho rằng tiền nợ đã được cản trừ qua tiền đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất với bà H1 nhưng không được chị H và bà H1 thừa nhận. Bà S kháng cáo nhưng không có chứng cứ chứng minh nên đề nghị không chấp nhận. Do đó, đề nghị không chấp nhận kháng cáo bị đơn, giữ nguyên án sơ thẩm.

Về án phí, bà S có đơn xin giảm là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử miễn án phí cho bà Sáu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra xem xét. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe lời trình bày của các đương sự và ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên. Xét thấy:

[1] Bị đơn bà Lê Thị S đã thực hiện quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo đúng trình tự thủ tục được quy định tại các Điều 271, 272, 273 và khoản 2 Điều 276 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử tiến hành xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm. Chị Phạm Thị Bích H có đơn xin vắng mặt, còn bà Nguyễn Thị H đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 02 nhưng vắng mặt không lý do nên căn cứ các Điều 227, 228 và 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị H , bà Huệ.

[2] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn trả tiền nợ mua thức ăn chăn nuôi. Tòa sơ thẩm xác định tranh chấp hợp đồng mua bán là đúng với tính chất của vụ án và thuộc thẩm quyền, phạm vi giải quyết theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 280, 430, 433, 434 và 440, 453, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3] Nội dung tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn thống nhất thừa nhận: Bà Lê Thị S có mua thức ăn gia súc của chị Phạm Bích H vào năm 2007 và còn nợ chị H số tiền 10.411.500 đồng, bà S có ký tên vào sổ nợ (bút lục 03-06) như chị H trình bày. Chị H yêu cầu bà S trả số tiền 10.411.500 đồng. Bà S không đồng

ý trả vì đã cản trở vào sổ tiền bà Nguyễn Thị H đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà.

Bản án sơ thẩm đã chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị H buộc bà S trả cho chị H số tiền 10.411.500 đồng. Không đồng ý với quyết định án sơ thẩm, bà S kháng cáo không đồng ý trả số tiền trên cho chị H.

[4] Xét kháng cáo của bị đơn bà Lê Thị S, Hội đồng xét xử thấy rằng:

[4.1] Các đương sự thừa nhận bà S có mua bán thức ăn gia súc của chị H và còn nợ số tiền 10.411.500 đồng như chị H yêu cầu. Chị H cho rằng bà S chưa trả tiền cho chị nên chị H khởi kiện yêu cầu bà S trả là có căn cứ phù hợp Điều 280, 440 của Bộ luật dân sự. Bà Lê Thị S cho rằng số tiền nợ của chị H đã được bà Nguyễn Thị H cản trở vào năm 2009 thông qua việc đặt cọc chuyển nhượng quyền sử dụng đất của bà cho bà H1 nên bà không còn nợ số tiền trên nữa.

[4.2] Xét lời trình bày của của bà S về việc cản trở số tiền đặt cọc, Hội đồng xét xử thấy rằng: Chị H không thừa nhận có nhận tiền từ bà H1 và bà H1 cũng tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thì không thừa nhận có cản trở số tiền đặt cọc cho chị H như bà S trình bày. Đồng thời tại bản án dân sự sơ thẩm số 105/2009/DSST ngày 13/4/2009 của Tòa án nhân dân huyện C (bút lục 39-41) và bản án dân sự phúc thẩm số 423/2009/DSPT ngày 07/8/2009 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang (bút lục 42-44) giải quyết việc tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa bà Nguyễn Thị H và bà Lê Thị S đều thể hiện bà H1 đã đưa tiền đặt cọc 40.000.000 đồng cho bà S và buộc bà S hoàn trả số tiền này cho bà Huệ. Bản án này đã được thi hành xong. Ngoài ra bà S không có tài liệu chứng cứ gì chứng minh số tiền nợ của chị H đã được cản trở như bà S trình bày.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Sáu, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[5] Về án phí: Bà S là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên bà được miễn tiền án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm theo quy định tại điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về án phí, lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi; sửa bản án sơ thẩm về án phí.

Xét ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nội dung nhận định của Hội đồng xét xử nên được ghi nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 270, Điều 293, khoản 2 Điều 308, Điều 313 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Lê Thị S.

Sửa quyết định án sơ thẩm số 43/2020/DS-ST ngày 23/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện C , tỉnh Tiền Giang về án phí.

Áp dụng Điều 280, 430, 433, 434 và 440, 453, Điều 688 của Bộ luật dân sự năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Điều 2 Luật người cao tuổi.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phạm Bích H.

Buộc bà Lê Thị S có nghĩa vụ trả cho chị Phạm Bích H số tiền 10.411.500 đồng.

Kể từ ngày chị Phạm Bích H có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Lê Thị S chậm thi hành thì hàng tháng phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại Điều 357 của Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm và phúc thẩm cho bà Lê Thị S.

- Trả lại bà Lê Thị S 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005677 ngày 23/7/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C , tỉnh Tiền Giang.

- Trả lại chị Phạm Bích H 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0005096 ngày 25/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện C , tỉnh Tiền Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C ;
- Chi cục THADS huyện C ;
- Các đương sự;
- Phòng KTNV&THA;
- Công thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Hoàng Khải

